TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QV** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HSST
Ngày 17/10/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QV, TỈNH BẮC NINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hãn

Bà Phan Thị Nhụ

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện QV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2019/HSST ngày 16 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1965; HKTT: Tổ 5, Phường GB, quận LB, TP HN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Tuấn H – Liệt sĩ và con bà Trần Thị V - đã chết; Bản thân bị cáo là con một; Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 và 03 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/10/1984, bị Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 4 năm về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

Ngày 27/11/1993, bị Toà án nhân dân HN xử phúc thẩm 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 15/3/1995, Nguyễn Tuấn T chấp hành xong án phí.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 05/7/2019, áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (Đều vắng mặt)

1. Anh Vũ Văn S, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm 7, xã Mỹ Lộc, huyện TT, tỉnh TB

2. Anh Bùi Văn C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

3. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN.

4. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

5. Anh Nguyễn Tài T, sinh năm 1970
Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

6. Anh Nguyễn Tài S, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

7. Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn GL, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/6/2019 Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1965 có HKTT: Tổ 5, phường GB, Quận LB, thành phố HN đến cơ quan Công an huyện QV đầu thú và khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến ngày 29/3/2019, T đã cho 07 người vay tổng số tiền là 215.000.000đ với lãi suất từ 108%/ năm đến 144%/năm, thu lãi được 46.950.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 29/9/2018, T cho anh Vũ Văn S, sinh năm 1970; HKTT: Xóm 7, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình, hiện trú tại Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN vay 20.000.000đ. Hai bên thỏa thuận lãi suất 9%/tháng, tức 108%/năm. Khi vay, anh S viết giấy vay tiền vào 01 quyển sổ và đưa cho T giữ. Ngày 23/10/2018, T thu tiền lãi là 1.800.000đ và anh S trả 10.000.000đ tiền gốc. Sau đó, anh S trả 1.350.000đ tiền lãi và trả nợ gốc 10.000.000đ. Ngày 12/5/2019, anh S lại vay tiếp của T 5.000.000đ, hai bên thoả thuận lãi suất 12%/tháng, tức 144%/năm. Ngày 12/6/2019, T thu lãi của anh S là 600.000đ. Hiện anh S nợ T 5.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh S vay là 25.000.000đ. T thu lãi của anh S là 3.750.000đ. Mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức lãi suất hợp pháp T được thu của anh S là 666.667đ. Nguyễn Tuấn T thu lời bất chính là 3.083.333đ.

Ngày 18/10/2018, T cho anh Bùi Văn C, sinh năm 1982; HKTT: Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN vay 20.000.000đ. Khi vay hai bên thoả thuận lãi suất là 9%/tháng, tức 108%/năm. Ngày 02/11/2018, anh C vay của T 10.000.000đ với lãi suất thoả thuận như lần vay trước. Ngày 03/12/2018, T thu của anh C 2.700.000đ và anh C lại vay tiếp của T 20.000.000đ với lãi suất như lần vay trước. Tháng 01/2019, T thu lãi của anh C là 4.500.000đ và anh C trả 50.000.000đ tiền nợ gốc. Ngày 23/3/2019, anh C vay tiếp của T là 20.000.000đ với lãi suất như trên và T thu tiền lãi 03 tháng là

5.400.000đ. Trong mỗi lần vay, anh C đều viết giấy vay tiền vào trong một quyển sổ và đưa cho T giữ. Hiện tại anh C còn nợ T 20.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh C vay là 70.000.000đ, T thu lãi của anh C là 12.600.000đ. Mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức lãi suất hợp pháp T được thu của anh C là 2.333.333đ. Nguyễn Tuấn T thu lợi bất chính là 10.266.667đ.

Ngày 15/01/2019, T cho anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981, HKTT: Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN vay 10.000.000đ, hai bên thoả thuận lãi suất 9%/tháng, tức 108%/năm. Ngày 28/02/2019, T thu tiền lãi một tháng là 900.000đ, đồng thời anh S vay tiếp của T là 10.000.000đ với lãi suất như lần vay trước. Ngày 16/3/2019, T thu lãi một tháng của anh S là 1.800.000đ và anh S lại vay tiếp của T 10.000.000đ với lãi suất như lần vay trước. Ngày 06/4/2019, T thu tiền lãi 1 tháng là 2.700.000đ và anh S lại vay tiếp 10.000.000đ với lãi suất như lần vay trước. Tháng 5/2019, T thu tiền lãi là 3.600.000đ và anh S trả T 10.000.000đ tiền gốc. Trong những lần vay, anh S đều viết giấy vay tiền vào trong một quyển sổ và đưa cho T giữ. Hiện anh S còn nợ T 30.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh S vay là 40.000.000đ, T thu tiền lãi của anh S là 9.000.000đ. Mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức lãi suất hợp pháp T được thu của anh S là 1.666.667đ. Nguyễn Tuấn T thu lợi bất chính là 7.333.333đ.

Ngày 05/3/2019, T cho anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1957; HKTT: Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN vay 10.000.000đ, hai bên thoả thuận lãi suất 12%/tháng, tức 144%/năm, T cắt lãi 1 tháng là 1.200.000đ. Ngày 07/4/2019, anh T vay của T 10.000.000đ với lãi suất như lần vay trước. T thu hai lần tiền lãi của anh T mỗi lần 2.400.000đ. Trong mỗi lần vay, anh T đều viết giấy vay tiền vào 01 quyển sổ và đưa cho T giữ. Hiện anh T còn nợ T số tiền 20.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh T vay là 20.000.000đ, T thu lãi của anh T 6.000.000đ. Mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức lãi suất hợp pháp T được thu của anh T là 833.433đ. Nguyễn Tuấn T thu lợi bất chính là 5.166.667đ.

Ngày 06/3/2019, T cho anh Nguyễn Tài T, sinh năm 1970; HKTT: Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN vay 10.000.000đ, hai bên thoả thuận lãi suất 12%/tháng, tức 144%/năm. Ngày 11/3/2019, anh T vay tiếp của T 10.000.000đ với lãi suất như lần vay trước. T thu tiền lãi của anh T 3 lần, mỗi lần thu là 2.400.000đ. Trong hai lần vay, anh T đều viết giấy vay tiền cho T vào một quyển sổ và đưa cho T giữ. Hiện anh T nợ T 20.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh T vay là 20.000.000đ, T thu lãi của anh T 7.200.000đ. Mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức

lãi suất hợp pháp T được thu của anh T là 1.000.000đ. Nguyễn Tuấn T thu lợi bất chính là 6.200.000đ.

Ngày 27/3/2019, T cho anh Nguyễn Tài S, sinh năm 1993, HKTT: Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN vay 20.000.000đ, hai bên thoả thuận lãi suất 12%/tháng, tức 144%/năm. T thu 05 lần tiền lãi của 2,5 tháng của anh S, mỗi lần thu là 1.200.000đ. Khi vay, anh S viết giấy vay tiền vào một quyển sổ và đưa cho T giữ. Hiện anh S còn nợ T 20.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh S vay là 20.000.000đ, T thu lãi của anh S là 6.000.000đ. Mức lãi suất thỏa thuận cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức lãi suất hợp pháp T được thu của anh S là 833.333đ. Nguyễn Tuấn T thu lợi bất chính là 5.166.667đ.

Ngày 29/3/2019, T cho anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1973; HKTT: Thông Giang Liễu, xã Phương Liễu, huyện QV, tỉnh BN vay 20.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 12%/tháng, tức 144%/năm. Ngày 29/4/2019, T thu 01 tháng tiền lãi của anh D là 2.400.000đ. Khi vay, anh D có viết giấy vay tiền vào 01 quyển sổ và đưa cho T giữ. Hiện anh D còn nợ T 20.000.000đ.

Tổng số tiền T cho anh D vay là 20.000.000đ, T thu lãi của anh D là 2.400.000đ. Mức lãi suất thỏa thuận cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%. Theo đó, mức lãi suất hợp pháp T được thu của anh D là 333.333đ, Nguyễn Tuấn T thu lợi bất chính là 2.066.667đ.

Số tiền lãi T thu được từ việc cho vay với tổng số tiền là 46.950.000 đồng, trong đó số tiền lãi cao hơn mức quy định 20%/ năm là 39.283.334 đồng.

Ngày 26/6/2019 T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QV đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cho vay nặng lãi của mình đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động Nokia 1208 màu đen đã qua sử dụng; 01 quyển sổ bìa mầu xanh, bên trong quyển sổ ghi những người đã vay tiền của T; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn S; 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Viết D; 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Tài S.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện QV, bị cáo Nguyễn Tuấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Với nội dung trên, bản Cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 13/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QV đã truy tố Nguyễn Tuấn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV thực hành quyền công tố tại phiên toà công bố bản luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt Nguyễn Tuấn T từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Nguyễn Tuấn T trả lại tiền thu lời bất chính cho: Anh Nguyễn Văn S 3.083.333đ; Anh Bùi Văn C 10.266.667đ; Anh Nguyễn Thanh S 7.333.333đ; Anh Nguyễn Hữu T 5.166.667; Anh Nguyễn Tài T 6.200.000đ; Anh Nguyễn Tài S 5.166.667đ; Anh Nguyễn Viết D 2.066.667đ.

- Vật chứng vụ án: Buộc Nguyễn Tuấn T nộp sung ngân sách nhà nước số tiền cho vay 215.000.000đ và 7.666.666đ là tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%.

Tịch thu 01 điện thoại di động Nokia 1208 màu đen đã qua sử dụng.

Trả lại Nguyễn Tuấn T 01 quyển sổ bìa xanh.

Trả lại anh S 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn S; Anh S 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Tài S; Anh D 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Viết D.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt chi bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong khoảng thời gian từ 29/9/2018 đến ngày 29/3/2019, tại Thôn GL, xã PL, huyen QV, tỉnh BN, Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1965, HKTT: Tổ X, phường GB, quận LB, thành phố HN đã cho 07 người vay tiền là các anh Vũ Văn S, Bùi Văn C, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Tài T, Nguyễn Tài S và anh Nguyễn Viết D vay tổng số tiền là 215.000.000 đồng với lãi suất từ 9%/tháng đến 12 %/tháng, tức 108%/năm đến 144%/năm, thu lãi được tổng số tiền 46.950.000 đồng, trong đó tiền thu lãi cao hơn mức lãi suất cao nhất của của Bộ luật dân sự quy định là 39.283.334 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người mà T đã cho vay tiền với lãi suất cao cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Tuấn T đã cho 07 người vay lãi nặng gấp từ 5,4 đến 7,2 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự được phép là 20%/năm được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tuy mỗi lần phạm tội, bị cáo thu lời không đến 30.000.000đ. Song việc bị cáo cho vay và thu lời

bất chính của người vay diễn ra liên tục và kế tiếp nhau về mặt thời gian với tổng số tiền bị cáo thu lời bất chính là 39.283.334đ. Do đó, hành vi cho vay với lãi suất cao của Nguyễn Tuấn T đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho cộng đồng và xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là trong lĩnh vực kinh D tiền tệ, gây rối loạn các giao dịch dân sự lành mạnh. Bị cáo đã lợi dụng lúc người vay đang gặp khó khăn về tài chính hoặc khó khăn đột xuất mà không có khả năng vay được chỗ khác để những người vay phải vay với lãi suất cao gây Tệt hại về tài sản cho người vay, gây ra nhiều hệ lụy xấu cho xã hội.

Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy trước hậu quả của hành vi đó nhưng vì mục đích vụ lợi, nhằm thu lời cao của những người vay nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội và mong muốn sự việc đó sảy ra trên thực tế. Do vậy hành vi của bị cáo phải được xử lý nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu. Năm 1984, bị Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Ngày 27/11/1993, bị Toà án nhân dân Hà Nội xử phúc thẩm 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, nhận thức nghiêm túc về việc chấp hành pháp luật và trở thành chỗ dựa cho gia đình, là công dân tốt của xã hội mà vẫn tiếp tục phạm tội mới. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã ra cơ quan Công an đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Tuấn Hy là liệt sĩ chống Mỹ, bà nội là Người mẹ Việt Nam anh hùng, trong quá trình chuẩn bị xé xử, bị cáo đã tự nguyện nộp tại chi cục T hành án huyện QV số tiền 50.200.000đ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với khoản tiền thu lời bất chính là 39.283.334đ, cần buộc T trả lại cho những người vay.

Cụ thể: Trả lại anh Nguyễn Văn S 3.083.333đ; Anh Bùi Văn C 10.266.667đ; Anh Nguyễn Thanh S 7.333.333đ; Anh Nguyễn Hữu T 5.166.667; Anh Nguyễn Tài T 6.200.000đ; Anh Nguyễn Tài S 5.166.667đ; Anh Nguyễn Viết D 2.066.667đ.

Về vật chứng: Đối với tổng số tiền 215.000.000đ bị cáo cho các anh Vũ Văn S, Bùi Văn C, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Tài T, Nguyễn Tài S và anh

Nguyễn Viết D vay được xác định là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà T thu của người vay là 7.666.666đ, tuy không bị tính trách nhiệm hình sự nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn S; 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Tài S; 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Viết D. Đây là những giấy tờ tùy thân của cá nhân người vay nên cần trả lại.

Đối với 01 quyển sổ mầu xanh, bên trong quyển sổ ghi những người vay tiền của T. Đây là quyển sổ ghi chép về giao dịch dân sự giữa T với những người vay. Tại phiên tòa, T yêu cầu nhận lại nên cần trả lại cho T.

Đối với chiếc điện thoại Nokia 1208 mầu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T, đây là vật bị cáo dùng vào hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt: Nguyễn Tuấn T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước. Xác nhận Nguyễn Tuấn T đã nộp 50.200.000đ (Năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2014/0005759 ngày 09/10/2019 tại Chi cục T hành án dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Tuấn T trả lại cho: Anh Nguyễn Văn S 3.083.333đ; Anh Bùi Văn C 10.266.667đ; Anh Nguyễn Thanh S 7.333.333đ; Anh Nguyễn Hữu T 5.166.667; Anh Nguyễn Tài T 6.200.000đ; Anh Nguyễn Tài S 5.166.667đ; Anh Nguyễn Viết D 2.066.667đ.

Về vật chứng của vụ án: Buộc Nguyễn Tuấn T nộp 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng) và khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% là 7.666.000đ sung ngân sách Nhà nước. Tịch thu 01 chiếc điện thoại Nokia 1208 màu đen đã qua sử dụng.

Trả lại anh S 01 căn cước công dân mang tên Vũ Văn S; Anh S 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Tài S; Anh D 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Viết D.

Trả lại Nguyễn Tuấn T 01 quyển sổ bìa xanh

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/9/2019 giữa Công an huyện QV với Chi cục T hành án dân sự huyện QV, tỉnh BN).

Án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.964.000đ án phí DSST nhưng được khấu trừ 200.000đ trong số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp là 50.200.000đ (Năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0005759 ngày 09/10/2019 của Chi cục T hành án dân sự huyện QV, tỉnh BN. Bị cáo T còn phải nộp 1.964.000đ tiền án phí.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận
-TAND tỉnh BN.
-VKSND tỉnh BN.
-Sở Tư pháp tỉnh BN.
-VKSND huyện QV.
-Công an huyện QV.
-Chi cục THA dân sự huyện QV.
-Những người tham gia tố tụng.
-Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Thị Liên